

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Câu	Nội dung	Điểm
I	Độc hiểu văn bản văn học và viết đoạn nghị luận văn học	5,0
1	Độc hiểu văn bản văn học	3,0
	a. Những động từ diễn tả hành động của <i>con</i> khi nằm trong <i>chiếc nôi êm</i> : <i>lật, trườn, cười, réo</i> .	0,5
	b. Trình bày cách hiểu về hai câu thơ “ <i>Con nằm giữa cha và mẹ/ Cuộc đời nằm giữa yêu thương</i> ”: con nằm giữa cha và mẹ; con được sống âm êm, hạnh phúc trong sự quan tâm, bảo bọc, yêu thương của cha mẹ. <i>* Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, miễn hợp lí.</i>	0,75
	c. Lời dẫn trực tiếp: “ <i>Chữ ít mà nghĩa rất nhiều. Không phải nghĩa nữa, đó là hồn, tâm hồn, cái không thể đo bằng đơn vị chữ nghĩa.</i> ” Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp: học sinh có thể có nhiều cách chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp khác nhau. Giám khảo dựa trên bài làm cụ thể của học sinh để cho mức điểm phù hợp. VD: Nhà thơ Chế Lan Viên đã từng nhận xét rằng thơ Tế Hanh chữ ít mà nghĩa rất nhiều; không phải nghĩa nữa, đó là hồn, tâm hồn, cái không thể đo bằng đơn vị chữ nghĩa.	0,75
	d. Tùy vào quan điểm riêng mà học sinh trình bày suy nghĩ về vai trò của tình yêu thương trên hành trình trưởng thành của mỗi người. Cần nêu rõ quan điểm về vai trò của tình yêu thương (VD: <i>tình yêu thương có vai trò quan trọng trên hành trình trưởng thành của mỗi người, tình yêu thương không hẳn là điều quan trọng nhất trên hành trình trưởng thành của mỗi người, ...</i>); lập luận để làm sáng tỏ quan điểm ấy; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	1,0
2	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Con nằm” (Tế Hanh).	2,0
	a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp hoặc song song.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Con nằm</i> (Tế Hanh).	0,25
	c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Phân tích được nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí, biết kết hợp lí lẽ và bằng chứng để chứng minh vấn đề. Học sinh có thể phân tích bài thơ theo kiểu kết hợp giữa nghệ thuật và nội dung hoặc phân tích nội dung và nghệ thuật tách rời. Trong quá trình phân tích, cần chú ý đến mối liên hệ giữa hình thức và nội dung. Khuyến khích những bài làm có cảm thụ sâu sắc, chân thành về bài thơ.	1,0

	<i>Sau đây là một số gợi ý:</i> - Phân tích nội dung chủ đề của bài thơ: <i>nội dung chủ đề</i>: qua việc miêu tả hình ảnh đứa con <i>nằm giữa</i> cha và mẹ, bài thơ cho thấy tình cảm gia đình ấm áp, yêu thương, chính tình cảm ấy là điểm tựa cho sự phát triển của con; <i>nội dung chủ đề</i> này được thể hiện qua <i>nhân đề</i> tác phẩm (<i>Con nằm</i>), qua <i>kết cấu bài thơ</i> xoay quanh niềm hạnh phúc của con khi nằm giữa mẹ và cha, qua các <i>hình ảnh</i> khẳng định niềm vui của việc <i>nằm giữa</i> (<i>Cánh chim bay giữa hai bờ trời xanh, Nụ hoa giữa hai bờ hương lành</i>),... - Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: <i>thể thơ</i> tự do với <i>cách ngắt nhịp</i> linh hoạt, <i>cách gieo vần</i> đa dạng phù hợp với nội dung bài thơ; <i>ngôn ngữ thơ</i> giản dị, gần gũi, mang hơi thở của cuộc sống hàng ngày; <i>hình ảnh thơ</i> đẹp, thơ mộng, giàu cảm xúc (<i>làn sóng, cánh chim, mặt lá, nụ hoa, ...</i>); các <i>biện pháp tu từ</i> được sử dụng hiệu quả: <i>phép điệp</i> (<i>con, nằm giữa, cha, mẹ, ...</i>), <i>phép so sánh</i> (<i>Cái nhìn yêu/ lời nói khê/ Như tiếng ngân giữa hai bờ lặng lẽ/ Con nằm vui giữa mẹ và cha</i>), <i>phép liệt kê</i> (các hành động của con),...; <i>cách ngắt dòng</i> tạo ấn tượng thị giác và cảm xúc cho người đọc;...	
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, cảm xúc.	0,25
II	Đọc hiểu văn bản nghị luận và viết bài văn nghị luận xã hội	5,0
1	Đọc hiểu văn bản nghị luận	1,0
	- Bằng chứng: học sinh nêu được ít nhất một biểu hiện trong thực tế của việc “ngây thơ, nông nổi”, vô tình khiến bản thân trở thành “cột tiếp sóng lan truyền tin hiệu sai lạc” (<i>phán xét và ném đá một con người qua vài dòng tin chưa kiểm chứng trên mạng; truyền đi những thông tin ngụy tạo, gây hậu quả nghiêm trọng, ...</i>). - Lí lẽ: <i>Đôi khi ngây thơ nông nổi, ta có thể khiến bản thân trở thành cột tiếp sóng lan truyền đi những tin hiệu sai lạc.</i> → Bằng chứng kết hợp chặt chẽ với lí lẽ đã chỉ ra hậu quả của việc thiếu khả năng nhận biết, từ đó tăng sức thuyết phục cho lập luận và làm sáng tỏ luận điểm: <i>Nhận biết và phân biệt bên trong với bề ngoài, bản sắc và màu sắc, sự thật và ngụy tạo là kĩ năng thiết yếu trong một xã hội thông tin cuộn cuộn như ta đang sống.</i> <i>*Học sinh có thể chép nguyên văn hoặc diễn đạt lại luận điểm, lí lẽ, bằng chứng miễn sao đảm bảo đúng nội dung và không sai về diễn đạt.</i>	
2	Viết bài văn nghị luận xã hội bàn về vấn đề: việc “biết đọc” – biết nhận ra những giá trị tốt đẹp (sự thật, tình yêu thương, điều ngay lẽ phải,...) đang bị che lấp – là một biểu hiện của sự trưởng thành.	4,0
	<i>a. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Gợi ý: Việc “<i>biết đọc</i>” – biết nhận ra những <i>giá trị tốt đẹp (sự thật, tình yêu thương, điều ngay lẽ phải, ...)</i> đang bị che lấp – là một biểu hiện của <i>sự trưởng thành</i>.	0,25

	<i>b. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> - Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Trong đó: <i>Mở bài</i>: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề. <i>Kết bài</i> Khái quát vấn đề bàn luận và rút ra bài học cho bản thân.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu.</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm theo trình tự hợp lí; trình bày được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; bằng chứng đa dạng, phù hợp, tiêu biểu, thuyết phục; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Cần sử dụng kiến thức đời sống và trải nghiệm cá nhân để bàn bạc vấn đề. Khuyến khích những bài viết có hơi thở của cuộc sống, mang tính thời sự. <i>Học sinh có thể có nhiều hướng làm bài khác nhau (đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với vấn đề đặt ra) Sau đây là một hướng làm bài:</i> - Giải thích vấn đề nghị luận: <i>trưởng thành</i>: phát triển đến mức tương đối hoàn chỉnh, đầy đủ về mọi mặt, bao gồm cả thể chất, trí tuệ, nhận thức, người trưởng thành là người có ý thức đầy đủ và có khả năng chịu trách nhiệm về những hành động của mình; <i>giá trị tốt đẹp</i>: những điều mang ý nghĩa nhân văn, tích cực mà con người luôn trân trọng hướng đến → Vấn đề bàn luận: việc có khả năng “<i>đọc</i>” – nhận ra những <i>giá trị tốt đẹp</i> không dễ thấy (<i>bị che lấp</i>) – là một dấu hiệu chứng tỏ ta đã <i>trưởng thành</i>. - Bàn luận, thể hiện quan điểm của người viết: + Trình bày được rõ ràng quan điểm của người viết: có thể trình bày một số quan điểm sau: Đồng tình; Không đồng tình; Vừa đồng tình vừa không đồng tình + Trình bày được lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm. Sau đây là một số gợi ý: Phương án 1: Đồng tình -Lí lẽ 1: Xã hội ta đang sống là một xã hội đầy ắp thông tin với rất nhiều tốt xấu, đúng sai lẫn lộn, những giá trị tốt đẹp thường bị che lấp, không hiện ra ngay trên bề mặt mà thường ẩn dưới bề sâu, đan cài phức tạp, chỉ người đủ trí tuệ và nhân cách, tức là đã trưởng thành, mới có thể nhận ra. -Lí lẽ 2: Khả năng phát hiện ra vẻ đẹp khuất lấp cho thấy con người biết trân trọng chân giá trị và khao khát hướng thiện, tự hoàn thiện mình (tức là hướng đến sự trưởng thành). -Lí lẽ 3: Việc biết nhận ra các giá trị tốt đẹp không chỉ đánh dấu sự trưởng thành, mà còn là phẩm chất cần được nuôi dưỡng lâu dài trong hành trình phát triển bản thân. -Lí lẽ... Phương án 2: Không đồng tình -Lí lẽ 1: Không phải ai nhận ra giá trị tốt đẹp cũng thực sự trưởng thành, vì có người “<i>đọc</i>” được nhưng vẫn hành xử thiếu trách nhiệm và cảm thông. -Lí lẽ 2: Việc “<i>biết đọc</i>” không đảm bảo cho sự trưởng thành nếu thiếu trải nghiệm, chiều sâu tâm hồn và bản lĩnh đối diện với sự thật. -Lí lẽ 3: Trong một số trường hợp, trưởng thành đến từ hành động và lựa chọn đạo đức, không nhất thiết từ khả năng nhận biết giá trị qua tri nhận gián tiếp. -Lí lẽ...	2,25

	Phương án 3: Vừa đồng tình vừa không đồng tình -Lí lẽ 1: Việc “biết đọc” là một biểu hiện quan trọng của trưởng thành, vì nó cho thấy con người có chiều sâu nhận thức và biết trân trọng giá trị. -Lí lẽ 2: Tuy nhiên, để thực sự trưởng thành, con người còn cần hành động đạo đức, năng lực chịu trách nhiệm và thái độ sống tích cực, chứ không chỉ dừng lại ở nhận thức. -Lí lẽ 3: Trưởng thành là một tiến trình nhiều mặt, trong đó “biết đọc” là một dấu hiệu đáng quý, nhưng không thể đồng nhất nó với toàn bộ bản chất của sự trưởng thành. -Lí lẽ... + Trình bày được bằng chứng đa dạng, phù hợp với lí lẽ, tiêu biểu, phân tích thuyết phục. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. Tùy thuộc quan điểm riêng trong bài luận mà học sinh đưa ra các ý mở rộng phù hợp. <i>Một số gợi ý:</i> + <i>Trưởng thành</i> không chỉ là biết nhận ra những <i>giá trị tốt đẹp</i> đang bị che lấp mà còn là biết nhận ra những <i>cái xấu, cái ác</i> đang núp bóng <i>cái đẹp, cái thiện</i>. + Sự <i>trưởng thành</i> được biểu hiện ở nhiều phương diện (sức vóc, tâm lí, năng lực,...) chứ không chỉ dừng ở khả năng nhận thức. + Trong xã hội vẫn còn nhiều người mãi không thể <i>trưởng thành</i> vì thiếu trau dồi, rèn luyện bản thân dẫn đến không có khả năng nhận thức các <i>giá trị tốt đẹp</i> của cuộc sống. + ... <i>* Lưu ý: học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết trong văn bản.	0,5
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện góc nhìn riêng; có suy nghĩ sâu sắc, tinh tế về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,5

- Hết -